

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2025.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Thành Trung.
2. Ông Nguyễn Thành Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quàng Thị P, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản Đ, xã C, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Hùng L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố X S, phường T, tỉnh Thanh Hoá.

Hiện cư trú tại: Thôn Đ, xã L, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Quàng Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Hùng L tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 03/02/2023 tại UBND phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn (nay là phường Quang Trung), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận với nhau được một thời gian, đến tháng 04/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 07/4/2019. Hiện nay, cháu Đ đang ở với chị tại bản Đ, xã C, tỉnh Lai Châu. Để không làm thay đổi môi trường sống và học tập của cháu; hơn nữa bản thân chị cũng có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định; khi ly hôn chị yêu cầu Toà án giao cháu Đ cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; Chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vào ngày 23/10/2025, chị P đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai đề ngày 05/9/2025, bị đơn là anh Lê Hùng L bày:

Về hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng đời sống vợ chồng, anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị P. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh thấy thương con cái nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị P.

Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 07/4/2019, như chị P đã trình bày là đúng. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không đặt ra vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú của chị Quàng Thị P:

Về hôn nhân: Chị Quàng Thị P, sinh năm 1992 cư trú tại bản Đ, xã C, tỉnh Lai Châu kết hôn với anh Lê Hùng L, sinh năm 1983, đăng ký thường trú tại Tổ dân phố X S, phường T, tỉnh Thanh Hoá. Hiện cư trú tại thôn Đ, xã L, tỉnh Thanh Hoá trên cơ sở tự nguyện. Anh chị không đăng ký kết hôn tại UBND xã Pu Sam Cáp nhưng UBND xã Pu Sam Cáp có cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 06/2023 ngày 31/01/2023 cho chị P đến UBND phường Bắc Sơn, thị xã Bím Sơn, tỉnh Thanh Hoá để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Theo dữ liệu trên hệ thống quản lý phần mềm hộ tịch tự pháp thì xác định được chị P và anh L có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bắc Sơn, thị xã Bím Sơn (nay là UBND phường Quang Trung), tỉnh Thanh Hoá theo quy định của pháp luật tại Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2023 ngày 03/02/2023.

Sau khi kết hôn, chị P sinh sống cùng với anh L tại bản Đ, xã C, tỉnh Lai Châu. Anh chị chung sống hoà thuận, đến tháng 4/2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn, anh L đã về Thanh Hoá sinh sống, vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân cụ thể như thế nào thì bản không rõ, vì anh chị không đề nghị bản tiến hành hoà giải mâu thuẫn vợ chồng nên bản không can thiệp được.

Về điều kiện nuôi con: Chị P và anh L có 01 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 07/4/2019. Hiện nay, cháu Đ đang ở với chị P bản Đ, xã C, tỉnh Lai Châu; điều kiện sinh sống, học tập của cháu ổn định, bình thường. Chị P, anh L đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; anh chị đều là lao động tự do, có sức khoẻ và có thu nhập ổn định, bảo đảm việc nuôi con. Tuy nhiên, điều kiện nuôi con của chị P là thuận lợi hơn.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú của anh Lê Hùng L:

Về hôn nhân: Anh Lê Hùng L, sinh năm 1983, đăng ký thường trú tại tổ dân phố X S, phường T, tỉnh Thanh Hoá. Hiện cư trú tại thôn Đ, xã L, tỉnh Thanh Hoá

kết hôn với chị Quàng Thị P, sinh năm 1992 cư trú tại bản Đ, xã C, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện; anh chị có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận tại tỉnh Lai Châu, đến tháng 04/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn. Anh L đã về tỉnh Thanh Hoá để sinh sống, vợ chồng sống trong tình trạng ly thân. Nguyên nhân cụ thể như thế nào thì thôn không rõ, vì anh chị không đề nghị thôn tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên thôn không can thiệp được.

Về điều kiện nuôi con: Anh L và chị P có 01 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 07/4/2019. Hiện nay, cháu Đ đang ở với chị P tại bản Đ, xã C, tỉnh Lai Châu. Điều kiện sinh sống, học tập của cháu ổn định, bình thường. Anh L, chị P đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; anh chị đều là lao động tự do, có sức khoẻ và có thu nhập ổn định, bảo đảm việc nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử; việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 195, 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 51, 63 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227 và 334 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Quàng Thị P.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Quàng Thị P được ly hôn anh Lê Hùng L.
- Về con chung: Giao cháu Lê Minh Đ cho chị Quàng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng; anh Lê Hùng L không phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về án phí: Buộc chị Quàng Thị P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa các đương sự có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn, bị đơn cư trú tại xã L, tỉnh Thanh Hoá. Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hoá căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn là chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh L không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

[21.1] Chị P và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 03/02/2023 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị P thì nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp; Hiện tại vợ chồng đang sống trong tình trạng ly thân, không ai quan tâm đến ai; Anh L cũng thống nhất với chị P về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng đời sống vợ chồng. Lời khai của chị P, anh L phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của vợ chồng anh chị về tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, do anh chị không có thiện chí hoà giải mâu thuẫn vợ chồng nên anh L vắng mặt, chị P đề nghị không tiến hành hoà giải.

[21.2] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị P, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của vợ chồng chị P, anh L; căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng đời sống hôn nhân giữa chị P và anh L đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu trên, xử cho chị P được ly hôn anh L.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh L có 01 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 07/4/2019. Hiện nay, cháu Đ đang ở với chị P tại bản Đ, xã C, tỉnh Lai Châu. Xét yêu cầu của chị P về việc nuôi con chung là chính đáng, phù hợp với tình cảm và trách nhiệm của người mẹ dành cho con cái; căn cứ vào điều kiện nuôi con của đương sự; Để bảo đảm quyền và nghĩa vụ của chị P và anh L, đồng thời bảo đảm quyền lợi cho con chung của anh chị, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cháu Đ cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với các quy định của pháp luật; và việc chị P không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị P và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); anh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83; khoản 1 Điều 88; khoản 1 Điều 107; Điều 110; khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quàng Thị P.

- Về hôn nhân: Chị Quàng Thị P được ly hôn anh Lê Hùng L.

- Về con chung: Công nhận cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 07/4/2019 là con chung của chị Quàng Thị P và anh Lê Hùng L. Giao cháu Đ cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Án phí: Chị Quàng Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị P đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai thu số 0002130 ngày 25/8/2025. Công nhận chị P đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6;
- THADS T.Thanh Hoá;
- UBND P.Quang Trung, T.Thanh Hoá;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Tiến Thịnh